

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LẤP VÒ  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

1  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2021/DS-ST  
Ngày: 27-5-2021  
V/v tranh chấp về hợp đồng  
dân sự về vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Quan Nam.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Bạch Linh.
2. Ông Nguyễn Vạn Thế.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Kiều là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 564/2020/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp về hợp đồng dân sự về vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2021/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 60/2021/QĐST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn TT; địa chỉ: Số 266-268, Nam kỳ khởi N, P 8, Q 3, Thành phố Hồ Chí M.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Anh Lê Thanh T. Chức vụ: Phó Phòng giao dịch Lấp Vò - Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn TT là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 28/9/2020). (Có mặt tại phiên tòa).

**- Bị đơn:** Trần Thị Xuân M, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 156, ấp H N, xã Long H B, huyện Lấp V, tỉnh Đồng T. (Vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 9 năm 2020 của nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn TT cũng như tại phiên Toà sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là anh Lê Văn T trình bày:

Vào ngày 08/02/2018, Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn TT và chị Trần Thị Xuân M có ký hợp đồng tín dụng số LD1803900251 để chị M vay tổng số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất trong hạn là 9%/năm, lãi quá hạn là 13,5%/năm, mục đích vay tiêu dùng, hình thức vay tín chấp. Theo thỏa thuận trong hợp đồng thì chị M có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng trong 48 Tháng (48 kỳ), với số tiền 136.000.000 đồng gồm cả tiền gốc và lãi. Trong 47 tháng đầu trả 2.833.000 đồng, tháng cuối cùng trả 2.849.000 đồng, kỳ thanh toán đầu tiên ngày 25/3/2018, kỳ cuối cùng ngày 08/02/2022.

Thực hiện hợp đồng Ngân hàng đã giao đủ tiền cho chị M và chị M đã thanh toán cho Ngân hàng được 21 kỳ với số tiền 59.493.000 đồng (Trong đó vốn gốc là 43.743.000 đồng và lãi là 15.750.000 đồng). Kể từ 26/11/2019 đến nay chị M không thanh toán tiền cho Ngân hàng, hiện chị M còn nợ Ngân hàng vốn gốc là 56.257.000 đồng và lãi tạm tính từ ngày 26/11/2019 đến ngày 28/9/2020 là 10.800.000 đồng.

Ngoài ra, trước đây vào ngày 14/7/2014 chị M có ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng vay với Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn TT - Chi nhánh Đồng Tháp, theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng đã ký vào ngày 14/7/2014, Ngân hàng đã cho chị M vay qua thẻ tín dụng số tiền 15.000.000 đồng, theo lãi suất 2,5%/tháng, theo thỏa thuận chị M phải trả lãi và vốn hàng tháng cho Ngân hàng, nếu chị M không trả lãi đúng thời hạn trong vòng 03 tháng đầu, thì tiền lãi của 03 tháng đầu được nhập vào vốn gốc. Thực hiện hợp đồng chị M không thanh toán tiền lãi và vốn cho Ngân hàng được đồng nào cho đến nay. Do đó, lãi của 03 tháng đầu từ tháng 7/2014 đến tháng 10/2014 là 2.750.745 đồng được nhập vào vốn vay. Vậy vốn vay hiện chị M còn nợ Ngân hàng là 17.750.745 đồng và lãi tạm tính đến ngày 28/9/2020 là 5.192.100 đồng.

Nay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn TT yêu cầu chị Trần Thị Xuân M có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng vốn vay của 02 khoản vay nói trên 74.007.745 đồng và lãi trong hạn và quá hạn tạm tính đến ngày 28/9/2020 là 15.992.100 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 89.999.845 đồng.

Về vốn vay còn nợ là 74.007.745 đồng yêu cầu được tiếp tục tính lãi theo mức lãi suất mà hợp đồng tín dụng số LD1803900251 ký ngày 08/02/2018 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ký ngày 14/7/2014 quy định. Thời gian tính lãi kể từ 29/9/2020 cho đến khi chị M thanh toán vốn cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn TT xong.

- Bị đơn Trần Thị Xuân M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt tại các phiên họp và các phiên hòa giải, cũng như không có văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

+ Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa ra xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định pháp luật.

+ Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466, 468; 282 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc chị Trần Thị Xuân M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn TT vốn và lãi tính đến ngày 28/9/2020 là 89.999.845 đồng (Trong đó, vốn gốc là 74.007.745 đồng và lãi trong hạn, quá hạn tạm tính đến ngày 28/9/2020 là 15.992.100 đồng).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vốn và tiền lãi của nợ vay, nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp về hợp đồng dân sự về vay tài sản”. Bị đơn có hộ khẩu và cư trú tại huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3, Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với chị Trần Thị Xuân M trong suốt quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị M đều vắng mặt. Tại phiên tòa ngày 28/4/2021, chị M vắng mặt, Tòa án đã hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở phiên tòa vào ngày 27/5/2021. Tại phiên tòa hôm nay chị M vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị M theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn TT yêu cầu chị Trần Thị Xuân M có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền vốn và lãi tính đến ngày 28/9/2020 là 89.999.845 đồng (Trong đó, vốn gốc là 74.007.745 đồng, tiền lãi trong hạn và quá hạn tạm tính đến ngày 28/9/2020 là 15.992.100 đồng) và tiếp tục yêu cầu lãi phát sinh tính từ ngày 29/9/2020 theo mức lãi suất mà hợp đồng tín dụng số LD1803900251 ký ngày 08/02/2018 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ký ngày 14/7/2014 quy định.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

Vào ngày 08/02/2018, Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn TT và chị Trần Thị Xuân M có ký hợp đồng tín dụng số LD1803900251 để chị M vay tổng số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất trong hạn là 9%/năm, lãi quá hạn là

13,5%/năm, mục đích vay tiêu dùng, hình thức vay tín chấp. Theo thỏa thuận trong hợp đồng thì chị M có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng trong 48 tháng (48 kỳ) với số tiền 136.000.000 đồng gồm cả tiền gốc và lãi. Trong đó 47 tháng đầu trả 2.833.000 đồng, tháng cuối cùng trả 2.849.000 đồng, kỳ thanh toán đầu tiên ngày 25/3/2018, kỳ cuối cùng ngày 08/02/2022.

Thực hiện hợp đồng Ngân hàng đã giao đủ tiền cho chị M và chị M đã thanh toán cho Ngân hàng được 21 kỳ với số tiền 59.493.000 đồng (Trong đó, vốn gốc là 43.743.000 đồng và lãi là 15.750.000 đồng). Kể từ 26/11/2019 đến nay không thanh toán tiền cho Ngân hàng, hiện chị M còn nợ Ngân hàng vốn gốc là 56.257.000 đồng và lãi tạm tính từ ngày 26/11/2019 đến ngày 28/9/2020 là 15.992.100 đồng.

Ngày 14/7/2014, chị M có ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng với Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn TT - Chi nhánh Đồng Tháp, theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng đã ký vào ngày 14/7/2014, Ngân hàng đã cho chị M vay qua thẻ tín dụng số tiền 15.000.000 đồng, theo lãi suất 2,5%/tháng, theo thỏa thuận chị M phải trả lãi và vốn hàng tháng cho Ngân hàng, nếu chị M không trả lãi đúng thời hạn trong 03 tháng đầu thì tiền lãi của 03 tháng đầu được nhập vào vốn gốc. Thực hiện hợp đồng chị M không thanh toán tiền lãi và vốn cho Ngân hàng được đồng nào cho đến nay. Do đó, tiền vốn của 03 tháng đầu từ tháng 7/2014 đến tháng 10/2014 là 2.750.745 đồng được nhập vào vốn vay. Vay vốn vay hiện chị M còn nợ Ngân hàng là 17.750.745 đồng và lãi tạm tính đến ngày 28/9/2020 là 5.192.100 đồng.

Qua các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Quá trình thực hiện hợp đồng Ngân hàng đã giao đủ tiền cho chị M và chị M đã thanh toán cho Ngân hàng được 21 kỳ với số tiền 59.493.000 đồng, đối với hợp đồng tín dụng số LD1803900251, 08/02/2018. Kể từ ngày 26/11/2019 đến nay không thanh toán tiền tiếp cho Ngân hàng, hiện chị M còn nợ số tiền là 72.249.100 đồng (Trong đó, vốn gốc là 56.257.000 đồng, tiền lãi trong hạn và quá hạn tạm tính đến ngày 28/9/2020 là 10.800.000 đồng). Đối với vốn vay qua thẻ chị M còn nợ Ngân hàng vốn vay 17.750.745 đồng và lãi tạm tính đến ngày 28/9/2019 là 5.192.100 đồng.

Như vậy, chị M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký, nên Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn TT khởi kiện yêu cầu chị M phải có nghĩa vụ trả số nợ nêu trên và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo mức lãi suất mà hợp đồng tín dụng số LD1803900251 ký ngày 08/02/2018 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ký ngày 14/7/2014 quy định. Thời gian tính lãi kể từ ngày 29/9/2020 cho đến khi chị M hoàn trả xong vốn, lãi vay cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn TT là có căn cứ, phù hợp với Điều 282, 466 của Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn TT và buộc chị Trần Thị Xuân M trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn TT 89.999.845 đồng (Trong đó, vốn gốc là 74.007.745 đồng và lãi trong hạn và quá hạn tạm tính đến ngày 28/9/2020 là 15.992.100 đồng).

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 20/12/2016, buộc Trần Thị Xuân M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn TT không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn TT số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 357 Điều 282 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, điểm b khoản 2, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn TT.

Buộc chị Trần Thị Xuân M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn TT số tiền còn nợ là 89.999.845 đồng (Tám mươi chín triệu, chín trăm chín mươi chín nghìn, tám trăm bốn mươi lăm đồng) (Trong đó, vốn gốc là 74.007.745 đồng và lãi trong hạn và quá hạn tạm tính đến ngày 28/9/2020 là 15.992.100 đồng).

Về vốn vay còn nợ lại là 74.007.745 đồng được tiếp tục tính lãi theo mức lãi suất mà hợp đồng tín dụng số LD1803900251 ký ngày 08/02/2018 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ký ngày 14/7/2014 quy định. Thời gian tính lãi kể từ 29/9/2020 cho đến khi chị M thanh toán vốn cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn TT xong.

**2.** Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Trần Thị Xuân M phải nộp 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn TT không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn TT số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.250.000 đồng (Hai triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số BI/2019/0009728 ngày 27/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

**3.** Án xử có mặt đại diện của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn TT. Báo cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn TT biết có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ

ngày tuyên án. Đối với đương sự Trần Thị Xuân M được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án này hoặc bản án này được tổng đạt theo quy định.

**4.** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND Tỉnh;
- VKSND Huyện;
- CCTHADS Huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Lê Quan Nam**